

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2025/DS-ST
Ngày: 01-4-2025
V/v tranh chấp hội, hợp đồng vay tài
sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Văn Công Trọn

Ông Hồ Quang Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thêu. Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Trong các ngày 31 tháng 3 và ngày 01 tháng 4 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 745/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2024 về tranh chấp hội theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Tuyết L, sinh năm: 1976.

Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L1

Ông Lê Văn D

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 7 năm 2024, lời trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn thể hiện:

Bà L tham gia hội do ông D, bà L1 làm chủ cụ thể:

1. Ngày 06/03/2018a1, hội 10.000.000 đồng, 06 tháng khai 01 lần, gồm 15 phần, bà L tham gia 01 phần, đóng hội được 08 lần. Số tiền đóng vào bao nhiêu bà L có theo dõi. Lần mở hội thứ 09 ông D bỏ hội hốt nhưng do các dây hội khác ông D, bà L1 đình hội nên các hội viên tham gia yêu cầu đình dây hội này để trả tiền lại cho các hội viên. Đối với dây hội này bà L yêu cầu bà L1, ông D thanh toán cho bà 80.000.000 đồng.

2. Ngày 20/8/2019al, hụi 2.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, gồm 21 phần, bà L tham gia 01 phần. Đối với dây hụi này bà L1 đã lấy tên là L để hốt vào lần thứ 21, bà L đồng ý và bà L vẫn đóng hụi sống cho bà L1 đến lần thứ 25 thì đình hụi. Bà L yêu cầu bà L1 thanh toán cho bà L, ông D số tiền 50.000.000 đồng.

3. Ngày 27/10/2020dl, hụi 2.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, gồm 42 phần, bà L tham gia 01 phần, đóng hụi được 11 lần. Số tiền đóng vào bao nhiêu bà L không có theo dõi.

Trong dây hụi này bà L có mua 01 phần hụi của bà Trần Thị D1, do bà L1 đứng bán, bà L giao dịch trực tiếp với bà L1, không giáp mặt bà D1 (Hiện nay không còn sinh sống ở địa phương). Mua hụi ở lần thứ 3, tính giá bỏ hụi là 910.000 đồng, 02 lần hụi chết = 4.000.000 đồng, 40 lần hụi sống x 1.090.000 đồng x 40 = 43.600.000 đồng. Tổng cộng bà L giao cho bà L1 số tiền 47.600.000 đồng.

Đối với dây hụi này bà L yêu cầu trả số tiền (11 lần x 2.000.000 đồng) + (42 lần x 2.000.000 đồng) = 106.000.000 đồng.

4. Ngày 20/12/2020dl, hụi 2.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, gồm 24 phần, bà L tham gia 01 phần, đóng hụi được 11 lần. Số tiền đóng vào bao nhiêu bà L không theo dõi.

Trong dây hụi này bà L có mua 01 phần hụi của bà Trần Thị D1, do bà L1 đứng bán, mua bao nhiêu bà L không nhớ.

Đối với dây hụi này bà L yêu cầu trả số tiền (11lần x 2.000.000 đồng) + (24 lần x 2.000.000 đồng) = 70.000.000 đồng.

5. Ngày 15/11/2020dl, hụi 500.000 đồng, 01 tháng khui 02 lần, gồm 40 phần, bà L tham gia 02 phần, đóng hụi được 22 lần. Số tiền đóng vào bao nhiêu bà L không theo dõi. Bà L yêu cầu bà L1, ông D trả số tiền 22.000.000 đồng.

6. Ngày 06/5/2021dl, hụi 500.000 đồng, 01 tháng khui 02 lần, gồm 46 phần, bà L tham gia 02 phần, đóng hụi được 10 lần. Số tiền đóng vào bao nhiêu bà L có theo dõi.

Trong dây hụi này bà L có mua 01 phần hụi của bà Phạm Thị L2, do bà L1 đứng bán, mua bao nhiêu bà L không nhớ.

Đối với dây hụi này bà L yêu cầu trả số tiền (10lần x 500.000 đồng x 02 phần) + (46 lần x 500.000 đồng) = 33.000.000 đồng.

Tổng số tiền bà L1, ông D nợ bà L hụi do bà L1 làm chủ là 361.000.000 đồng. Nội dung tranh chấp này trước đây bà L đã có khởi kiện bà L1, ông D vào tháng 4/2022. Tại phiên toà, bà L1 thống nhất số nợ và thoả thuận thanh toán nên bà L rút đơn khởi kiện nhưng sau đó bà L1 không thanh toán.

Bà L1, ông D tham gia hụi do bà L làm chủ, cụ thể:

1. Hụi ngày 19/8/2020al, hụi 3.000.000 đồng, 02 tháng khui 01 lần, tất cả có 35 phần, bà L1, ông D tham gia 02 phần, đến lần thứ 4 bán lại cho bà L 01 phần (Không có tranh chấp, thanh toán dứt điểm). Dây hụi này sau khi hốt còn nợ lại 26 lần x 3.000.000 đồng = 78.000.000 đồng.

2. Hụi ngày 29/02/2021al, hụi 2.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, tất cả có 35 phần, bà L1, ông D tham gia 02 phần. Đến lần thứ 6 hốt 01 phần, còn nợ lại 28 lần hụi = 56.000.000 đồng. Phần hụi còn lại bán lại cho bà L vào ngày 29/9/2021al, bán với giá bỏ hụi là 900.000 đồng. Sau khi bán hụi bà L không đóng hụi chết nên còn nợ 70.000.000 đồng. Tổng dây hụi này còn nợ 126.000.000 đồng.

Bà L có cùng bà L1, ông D tham gia hụi do người khác làm chủ, cụ thể:

1. Tham gia hụi do bà Nguyễn Thị P, địa chỉ ấp A, xã K. Hụi mở ngày 09/9/2019al, loại hụi 3.000.000 đồng, có 28 phần, bà L tham gia 01 phần, bà L1, ông D tham gia 02 phần. Bà L1 bỏ hụi hốt lần đầu nhưng bà P không đồng ý nên là L1 bảo lãnh để bà P cho bà L1 hốt. Sau khi hốt bà L1 không đóng hụi. Bà L1 phải xuất đóng thay cho bà P 48.000.000 đồng. Ngoài ra, bà L1 bán lại cho bà L phần hụi còn lại với giá 84.000.000 đồng. Sau khi bán bà L1 không đóng hụi lại. Tổng đối với dây hụi này bà L1 còn nợ lại số tiền 132.000.000 đồng.

2. Hụi do ông Nguyễn Văn T, địa chỉ ấp A, xã K, huyện T, làm chủ:

2.1 Hụi ngày 30/01/2019al. Hụi 5.000.000 đồng, 04 tháng khui 01 lần, tất cả có 22 phần, bà L tham gia 02 phần, bà L1 tham gia 02 phần, bà L1 nợ lại bà L 01 phần hụi số tiền 5.000.000 đồng.

2.2 Hụi ngày 17/9/2020al. Hụi 2.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, tất cả có 45 phần, bà L tham gia 01 phần, bà L1 tham gia 02 phần, bà L1 hốt hết 02 phần hụi, còn nợ lại bà L 4.000.000 đồng.

Hai dây hụi do ông T làm chủ là hụi dưới hình thức hùn vốn của Hội phụ nữ, nông dân, cử ông T làm đại diện, ông T không được nhận hoa hồng, các hụi viên tự giao tiền hụi cho nhau nên bà L khởi kiện bà L1, ông D đối với số tiền còn nợ là 9.000.000 đồng.

3. Ngày 15/11/2019 dương lịch, ông Nguyễn Việt H, địa chỉ ấp B, xã K là chủ dây hụi 5.000.000 đồng. Đối với phần hụi này, bà L rút yêu cầu khởi kiện để tự thoả thuận, trường hợp phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

4. Ngoài ra, ngày 15/8/2021dl, bà L có tham gia hụi bằng vàng giùm cho bà L1, ông D. Bà L giao cho ông D, bà L1 số vàng 21 chỉ vàng 24k, thoả thuận thanh toán dưới hình thức hụi, thanh toán mỗi tháng 1 chỉ và 3.400.000 đồng. Sau đó, bà L1 ông D có trả được 01 chỉ vàng và 3.400.000 đồng. Đối với khoản này, bà L yêu cầu thanh toán 20 chỉ vàng 24k và 68.000.000 đồng.

Tổng cộng bà L yêu cầu bà L1, ông D trả số tiền 774.000.000 đồng và 20 chỉ vàng

24k.

Đối với bà Nguyễn Thị L1, ông Lê Văn D mặc dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo, triệu tập đến Tòa án để giải quyết vụ án theo quy định nhưng bà L1, ông D vắng mặt và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hội, hợp đồng vay tài sản. Nơi cư trú của bị đơn và nơi thực hiện giao dịch đều tại huyện T nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Đối với các phần hội bà L tham gia, ông D, bà L1 làm chủ:

Trong vụ án thụ lý số 193/2022/TLST-DS ngày 29/4/2022, có ghi lời khai của bà Nguyễn Thị L1 vào ngày 26 tháng 8 năm 2022, bà Nguyễn Thị L1 trình bày:

Bà L1 là chủ hội, bà L có tham gia của bà L1 các dây hội cụ thể như sau:

Hội mở ngày 22/12/2020 dương lịch, loại hội 2.000.000 đồng, gồm 24 chung, 01 tháng khui 01 lần, bà L tham gia 01 chung. Hội này đình hội vào ngày 22/12/2021. Khi đó bà L chưa hốt chung hội này, bà L đóng được 11 lần hội sống với số tiền 12.940.000 đồng. Nay bà đồng ý trả cho bà L số tiền hội bà L đã đóng cho bà. Bà L đóng hội được 11 lần với số tiền là 12.940.000 đồng.

Ngoài ra đối với dây hội này có bà Trần Thị D1, sinh năm 1964 (Địa chỉ: Ấp B, xã K, huyện T) tham gia 03 chung. Vào ngày 22/02/2021 giữa bà và bà L, bà D1 thỏa thuận bà D1 bán lại cho bà L 01 chung hội. Cụ thể bà D1 hốt hội, nhưng bà L là người giao số tiền hốt hội cho bà D1, do vào kỳ bỏ hội đó bà D1 bỏ hội nhưng không hốt được. Bà L đã giao cho bà D1 số tiền là 24.670.000 đồng. Khi đó thỏa thuận hằng tháng bà D1 sẽ đóng cho bà L1 số tiền 2.000.000 đồng, hội viên bỏ hội hốt ở kỳ đó số tiền bao nhiêu thì bà L1 sẽ đưa lại cho bà L số tiền bằng số tiền hội viên bỏ để hốt hội. Bà L1 đã đưa cho bà L số tiền hội viên bỏ hốt hội 09 lần, với số tiền là 7.740.000 đồng. Đến khi mãn hội, bà L sẽ là người nhận tiền hội đối với chung hội này của bà D1 là 48.000.000 đồng.

Tuy nhiên, bà D1 sau khi nhận tiền hốt hội của bà L giao thì chỉ đóng hội được 09 lần, sau đó đình hội và bà D1 không đóng hội cho bà L1 tiếp. Bà L1 có khởi kiện đối với bà D1 về việc nợ tiền hội, trong đó có chung hội này. Khi giải quyết tại Tòa án, bà D1 đồng ý trả cho bà số tiền hội 22.000.000 đồng đối với chung hội này. Tranh chấp hội

giữa bà L1 và bà D1 đã được giải quyết tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 193/2022/QĐST-DS ngày 01/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Đối với chung hui này bà L1 đồng ý trả cho bà L số tiền bà L đã đưa cho bà D1 là 24.670.000 đồng.

Hui mở ngày 20/8/2019 âm lịch, loại hui 2.000.000 đồng, gồm 30 chung, 01 tháng khui 01 lần, bà L tham gia 03 chung. Bà L đã hốt hai chung hui. Hui hiện nay đã mãn, hai chung hui chết bà L đóng hui đầy đủ tới mãn hui. Còn 01 chung hui sống bà L đóng hui sống được 21 lần, tới ngày 20/02/2021 thì bà mượn của bà L chung hui này. Bà L đồng ý cho mượn để bà hốt, bà hốt hui được số tiền 49.700.000 đồng. Khi đó giữa bà và L thỏa thuận bà hốt hui, đến tháng 01/2022 thì bà L1 trả cho bà L 50.000.000 đồng. Đồng thời hằng tháng bà trả cho bà L 2.000.000 đồng cho đến khi mãn hui nhưng bà chỉ trả được 06 lần thì đình hui. Đối với chung hui này bà thừa nhận còn nợ lại bà L 50.000.000 đồng và đồng ý trả cho bà L 50.000.000 đồng.

Hui mở ngày 27/10/2020 dương lịch, loại hui 2.000.000 đồng, gồm 42 chung, 01 tháng khui một lần, bà L tham gia 01 chung. Bà L đóng hui sống được 11 lần với số tiền là 10.135.000 đồng thì đình hui. Nay bà đồng ý trả cho bà L số tiền bà L đã đóng hui là 10.135.000 đồng.

Ngoài ra đối với dây hui này có bà Trần Thị D1, sinh năm 1964 (Địa chỉ: Ấp B, xã K, huyện T) tham gia 03 chung. Vào ngày 27/01/2021 giữa bà và bà L, bà D1 thỏa thuận bà D1 bán lại cho bà L 01 chung hui. Cụ thể bà D1 hốt hui, nhưng bà L là người giao số tiền hốt hui cho bà D1, do vào kỳ bỏ hui đó bà D1 bỏ hui nhưng không hốt được. Bà L đã giao cho bà D1 số tiền là 34.450.000 đồng. Khi đó thỏa thuận hằng tháng bà D1 sẽ đóng cho bà L1 số tiền 2.000.000 đồng, hui viên bỏ hui hốt ở kỳ đó số tiền bao nhiêu thì bà L1 sẽ đưa lại cho bà L số tiền bằng số tiền hui viên bỏ để hốt hui. Bà L1 đã đưa cho bà L số tiền hui viên bỏ hốt hui 08 lần, với số tiền là 8.900.000 đồng. Đến khi mãn hui, bà L sẽ là người nhận tiền hui đối với chung hui này của bà D1 là 84.000.000 đồng.

Tuy nhiên, bà D1 sau khi nhận tiền hốt hui của bà L giao thì chỉ đóng hui được 08 lần, sau đó đình hui và bà D1 không đóng hui cho bà tiếp. Bà có khởi kiện đối với bà D1 về việc nợ tiền hui, trong đó có chung hui này. Khi giải quyết tại Tòa án, bà D1 đồng ý trả cho bà số tiền hui 62.000.000 đồng đối với chung hui này. Tranh chấp hui giữa bà và bà D1 đã được giải quyết tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 193/2022/QĐST-DS ngày 01/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời. Đối với chung hui này bà L1 đồng ý trả cho bà L số tiền bà L đã đưa cho bà D1 là 34.450.000 đồng.

Hui mở ngày 06/5/2021 dương lịch, loại hui 500.000 đồng, gồm 46 chung, 01

tháng khui hai lần, bà L tham gia 02 chung. Bà L đóng hội sống được 10 lần cho một chung với số tiền là 2.883.000 đồng/01 chung thì đình hội, tổng hai chung bà L đóng hội sống số tiền 5.766.000 đồng. Nay bà đồng ý trả cho bà L số tiền bà L đã đóng hội là 5.766.000 đồng.

Ngoài ra đối với dây hội này có bà Phạm Thị L2, sinh năm 1980 (Địa chỉ: Ấp B, xã K, huyện T) tham gia 02 chung. Vào ngày 20/7/2021 giữa bà và bà L, bà L2 thỏa thuận bà L2 bán lại cho bà L 01 chung hội. Cụ thể bà L2 hốt hội, nhưng bà L là người giao số tiền hốt hội cho bà L2, do vào kỳ bỏ hội đó bà L2 bỏ hội nhưng không hốt được. Bà L đã giao cho bà L2 số tiền là 12.800.000 đồng. Khi đó thỏa thuận hằng tháng bà L2 sẽ đóng cho bà L1 số tiền 500.000 đồng, hội viên bỏ hội hốt ở kỳ đó số tiền bao nhiêu thì bà L1 sẽ đưa lại cho bà L số tiền bằng số tiền hội viên bỏ để hốt hội. Bà L1 đã đưa cho bà L số tiền hội viên bỏ hốt hội 04 lần, với số tiền là 840.000 đồng. Đến khi mãn hội, bà L sẽ là người nhận tiền hội đối với chung hội này của bà L2 là 23.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà L2 sau khi nhận tiền hốt hội của bà L giao thì chỉ đóng hội được 04 lần. Đối với chung hội này bà đồng ý trả cho bà L số tiền bà L đã đưa cho bà L2 là 12.800.000 đồng.

Hội mở ngày 15/11/2020 dương lịch, loại hội 500.000 đồng, gồm 40 chung, 01 tháng khui hai lần, bà L tham gia 02 chung. Bà L đóng hội sống được 21 lần cho một chung với số tiền là 6.038.000 đồng/01 chung thì đình hội, tổng hai chung bà L đóng hội sống số tiền 12.076.000 đồng. Nay bà L1 đồng ý trả cho bà L số tiền bà L đã đóng hội là 12.076.000 đồng.

Ngoài ra chồng bà là ông Lê Văn D có làm chủ hội, bà L có tham gia hội cụ thể như sau: Hội mùa mở ngày 06/3/2018 âm lịch, loại hội 10.000.000 đồng, gồm 15 chung, 06 tháng khui 01 lần, bà L tham gia 01 chung. Bà L đóng hội sống được 08 lần với số tiền là 41.600.000 đồng thì đình hội. Nay bà đồng ý trả cho bà L số tiền bà L đã đóng hội là 41.600.000 đồng.

Bà L1 xác định bà L1 và ông Lê Văn D là vợ chồng. Đối với dây hội do ông D là chủ hội bà L1 xác định là hội của vợ chồng nhưng do ông D là chủ hội đại diện. Đối với hội do bà là chủ hội cũng là hội của vợ chồng nhưng do bà L1 đại diện chủ hội. Bà L1 xác định đối với các khoản nợ hội đối với bà L là nợ chung của vợ chồng bà và ông D vì nó phát sinh trong thời kỳ hôn nhân và lãi hội, thu nhập từ hội dùng để phục vụ kinh tế và sinh hoạt chung trong gia đình.

Bà L1 thừa nhận có nợ bà L các khoản tiền hội như bà L đã trình bày. Nhưng, do hoàn cảnh có nhiều hội viên nợ tiền hội của bà L1 nên dẫn đến bà L1 nợ tiền hội của bà L. Nay bà không có khả năng trả nợ một lần cho bà L, khi nào bà thu được tiền nợ hội của các hội viên khác bà sẽ trả cho bà L.

Đối với phần hội do bà L1, ông D làm chủ, bà L yêu cầu bà L1, ông D thanh toán số

tiền tổng cộng là 361.000.000 đồng. Bà L1 thống nhất toàn bộ nội dung giao dịch hội, số tiền góp hội vào bà L1 trình bày nhưng không có tài liệu chứng cứ để chứng minh, các lần bán hội đều do bà L1 đứng bán và ký nhận nợ cho bà L và tranh chấp giữa bà L1 với các hội viên bán hội có tranh chấp đã được giải quyết nên trách nhiệm thanh toán thuộc về bà L1. Do đó, bà L1, ông D phải có trách nhiệm thanh toán lại cho bà L số tiền 361.000.000 đồng là phù hợp.

[2.2] Đối với các các phần hội bà L1, ông D tham gia, bà L làm chủ: Theo nguyên đơn, hội ngày 19/8/2020al, hội 3.000.000 đồng, 02 tháng khui 01 lần, tất cả có 35 phần, bà L1, ông D tham gia 02 phần, đến lần thứ 4 bán lại cho bà L 01 phần (Không có tranh chấp, thanh toán dứt điểm). Dây hội này sau khi hốt còn nợ lại 26 lần x 3.000.000 đồng = 78.000.000 đồng. Hội ngày 29/02/2021al, hội 2.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, tất cả có 35 phần, bà L1, ông D tham gia 02 phần. Đến lần thứ 6 hốt 01 phần, còn nợ lại 28 lần hội = 56.000.000 đồng. Phần hội còn lại bán lại cho bà L vào ngày 29/9/2021al, bán với giá bỏ hội là 900.000 đồng. Sau khi bán hội bà L không đóng hội chết nên còn nợ 70.000.000 đồng. Tổng dây hội này còn nợ 126.000.000 đồng. Đối với yêu cầu này, nguyên đơn có nộp các danh sách hội, giấy giao tiền hội cho bị đơn. Bị đơn không có ý kiến phản đối yêu cầu của nguyên đơn nên chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn, ông D, bà L1 phải thanh toán cho bà L số tiền đối với phần hội do bà L làm chủ là 204.000.000 đồng.

[2.3] Đối với hội do bà Nguyễn Thị P, làm chủ. Theo nguyên đơn. bà L1 bỏ hội hốt lần đầu nhưng bà P không đồng ý nên là L bảo lãnh để bà P cho bà L1 hốt. Sau khi hốt bà L1 không đóng hội. Bà L phải xuất đóng thay cho bà P 48.000.000 đồng. Ngoài ra, bà L1 bán lại cho bà L phần hội còn lại với giá 84.000.000 đồng. Sau khi bán bà L1 không đóng hội lại. Tổng đối với dây hội này bà L1 còn nợ lại số tiền 132.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, bà L cho rằng bà L bảo lãnh cho bà L1 hốt hội và đã đóng hội đủ cho bà P. Tuy nhiên, bà L1 ký biên nhận trực tiếp cho bà L, có việc chuyển giao nghĩa vụ do đó buộc bà L1, ông D thanh toán cho bà L số tiền 132.000.000 đồng là phù hợp.

[2.4] Đối với hội do ông Nguyễn Văn T, làm chủ:

Theo nguyên đơn, hội ngày 30/01/2019al. Hội 5.000.000 đồng, 04 tháng khui 01 lần, tất cả có 22 phần, bà L tham gia 02 phần, bà L1 tham gia 02 phần, bà L1 nợ lại bà L 01 phần hội số tiền 5.000.000 đồng; Hội ngày 17/9/2020al. Hội 2.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, tất cả có 45 phần, bà L tham gia 01 phần, bà L1 tham gia 02 phần, bà L1 hốt hết 02 phần hội, còn nợ lại bà L 4.000.000 đồng.

Hai dây hội do ông T làm chủ là hội dưới hình thức hùn vốn của Hội phụ nữ, nông dân, cử ông T làm đại diện, ông T không được nhận hoa hồng, các hội viên tự giao tiền hội cho nhau nên bà L khởi kiện bà L1, ông D là phù hợp. Bà L cung cấp danh sách hội, biên nhận đối với việc tham gia hội. Bị đơn không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu

này của nguyên đơn nên buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền còn nợ 9.000.000 đồng là phù hợp.

[2.5] Ngày 15/8/2021dl, bà L có cho bà L1, ông D có nhờ bà L tham gia hụi vàng, bà L giao cho bà L1, ông D số vàng 21 chỉ vàng 24k, thoả thuận thanh toán dưới hình thức hụi, thanh toán mỗi tháng 1 chỉ và 3.400.000 đồng. Sau đó, bà L1 ông D có trả được 01 chỉ vàng và 3.400.000 đồng. Đối với khoản này, bà L yêu cầu thanh toán 20 chỉ vàng 24k và 68.000.000 đồng. Đối với yêu cầu này của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù nguyên đơn cho rằng giao vàng cho ông D, bà L1 dưới hình thức góp hụi nhưng ông D, bà L1 không trực tiếp tham gia giao dịch hụi nên giao dịch này giữa cá đương sự được xác định là vay tài sản, theo quy định không tính lãi chậm trả đối với vàng nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả 20 chỉ vàng 24k, không chấp nhận yêu cầu đối với số tiền 68.000.000 đồng.

[2.6] Đối với phần hụi do ông Nguyễn Việt H là chủ. Bà L rút yêu cầu khởi kiện để tự thoả thuận, trường hợp phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác. Việc rút yêu cầu này của bà L là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với phần hụi này.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị L1, ông Lê Văn D phải chịu án phí đối với nghĩa vụ thực hiện việc thanh toán cho bà L. Bà Lê Tuyết L phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận. (Giá vàng được áp dụng tính án phí là 9.780.000 đồng/chỉ vàng 24k)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 471 Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biếu, phượng;
- Căn cứ Điều 147, Điều 217, 218 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Tuyết L. Buộc bà Nguyễn Thị L1, ông Lê Văn D có nghĩa vụ thanh toán cho bà Lê Tuyết L số tiền 706.000.000 đồng (Bảy trăm lẻ sáu triệu đồng) và 20 chỉ vàng 24k (hai mươi chỉ vàng hai mươi bốn kara).

Đối với khoản tiền nêu trên, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án không tự nguyện thi hành xong khoản tiền phải thanh

toán thì còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu của bà Lê Tuyết L đối với yêu cầu (tính lãi vàng), yêu cầu bà Nguyễn Thị L1, ông Lê Văn D trả cho bà L 68.000.000 đồng (Sáu mươi tám triệu đồng).

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Tuyết L, đối với đây hội ngày 15/11/2019 dl, do ông Nguyễn Việt H làm chủ, yêu cầu bà L1, ông D trả số tiền là 7.500.000 đồng.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L1, ông Lê Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 39.048.000 đồng (Ba mươi chín triệu không trăm bốn mươi tám ngàn đồng), chưa nộp. Bà Lê Tuyết L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.400.000 đồng, bà Lê Tuyết L có nộp tiền tạm ứng án phí là 19.943.000 đồng tại biên lai số 0005461 ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, được đối trừ, còn dư được trả lại.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, nguyên đơn tính kể từ ngày tuyên án, bị đơn tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- CC.THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Huệ